TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 -VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 06/8/2026.
"V/v Xin ly hôn và tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 -VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Sa Rên.
Các Hội thẩm nhân dân:
1/. Ông Nguyễn Văn Điền.
2/. Bà Lê Thị Kha Ly.

Thư ký phiên tòa: Ông Thạch Ươn –Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 11 -Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 -Vĩnh Long tham gia phiên tòa: ông Huỳnh Thanh Huấn - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 -Vĩnh Long mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai đối với vụ án thụ lý số: 288/2026/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 6 năm 2026, về việc "Xin ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2026/QĐXXST-HN ngày 15 tháng 7 năm 2026, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Thuý A, sinh năm 1990. Địa chỉ: ấp L, xã A, tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn S, sinh năm 1991. Địa chỉ: ấp L, xã A, tỉnh Vĩnh Long. (Vắng mặt -Có đơn xin vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

- Bà Lê Thị N, sinh năm 1970. Địa chỉ ấp L, xã A, tỉnh Vĩnh Long. (Vắng mặt - Có đơn xin vắng mặt)

- Ông Trần Văn L, sinh năm 1965. Địa chỉ ấp L, xã A, tỉnh Vĩnh Long. (Vắng mặt -Có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Lê Thị Thuý A trình bày: Chị với anh Trần Văn S kết hôn là do quen biết, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2012, hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh (cũ) vào ngày 16/10/2012. Sau khi cưới, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau về

tiền bạc, anh Sáng mặc dù có công việc thu nhập ổn định nhưng không đóng góp tài chính, không quan tâm chăm lo cho cuộc sống gia đình, vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau. Sự việc diễn ra thường xuyên và kéo dài, gia đình sống không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ cuối năm 2023 cho đến nay. *Về con chung*: Có hai người gồm: Trần Gia H, sinh ngày 15/5/2015 và Trần Gia H, sinh ngày 07/9/2020, hiện đang sống chung với chị Thuý A. Về tài sản chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có tạo lập tài sản chung; về nợ chung phải thu, phải trả, chị Thuý A xác định không có.

Nay, về Hôn nhân chị Lê Thị Thuý A xin được ly hôn với anh Trần Văn S; về nuôi con: Chị Thuý A yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng Trần Gia H và Trần Gia H; về cấp dưỡng nuôi con: Chị Thuý A chưa đặt ra để yêu cầu pháp luật giải quyết; *Về tài sản chung*: không yêu cầu Tòa án giải quyết. *Về nợ chung phải thu, phải trả*: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Trần Văn S vắng mặt nên không có lời trình bày.

Qúa trình giải quyết vụ án bị đơn có đơn xin vắng mặt do đó không tiến hành phiên hòa giải được và Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu, các đương sự không bổ sung cung cấp chứng cứ gì mới.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 -Vĩnh Long trình bày quan điểm cho rằng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý đến thời điểm này Thẩm phán đã chấp hành đúng theo Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp và tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, đã thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên phía bị đơn anh Trần Văn S chưa thực hiện nghiêm quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Vị đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại các Điều 19, 51, 54. 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Thuý A. *Về hôn nhân*: Cho chị Lê Thị Thuý A được ly hôn với anh Trần Văn S. *Về nuôi con:* chị Thuý A được tiếp tục chăm sóc nuôi dương con Trần Gia H, sinh ngày 15/5/2015 và Trần Gia H, sinh ngày 07/9/2020. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị Thuý A chưa đặt ra yêu cầu giải quyết nên không xem xét; *Về tài sản chung, về nợ chung*: chị Thuý A không yêu cầu,

nên không xem xét. Ngoài ra, Vị còn đề nghị buộc nguyên đơn có nghĩa vụ chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về xác định quan hệ tranh chấp***: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thì đây là vụ án " *Xin ly hôn và tranh chấp về nuôi con*", thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử.

[3] Về nội dụng vụ án:

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lê Thị Thuý A và anh Trần Văn S xác lập quan hệ hôn nhân từ năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh (cũ) vào ngày 16/10/2012. Đây là tình tiết không phải chứng minh được quy định tại khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, từ đó xác định hôn nhân giữa chị Lê Thị Thuý An và anh Trần Văn S là hôn nhân hợp pháp.

[3.2] *Xét về nguyên nhân mâu thuẫn*:

Chị Thuý A cho rằng vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn vào đầu năm 2021. Nguyên nhân, do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi về tiền bạc do anh S có công việc ổn dịnh, có thu nhập nhưng không đóng góp tài chính, không quan tâm chăm lo cho gia đình …. Sự việc kéo dài không khắc phục được nên chị Thuý A đã sống ly thân từ cuối năm 2023 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng quy định tại Khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân gia đình. "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*".

Riêng bị đơn anh Trần Văn S mặc dù đã nhận được các văn bản tố tụng của toà án nhưng không có ý kiến gì xem như đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình trong vụ án.

Từ đó cho thấy hôn nhân giữa chị Thuý A, anh S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình quy định "*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bảo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được*". Từ phân tích trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thuý A. Cho chị Thuý A được ly hôn với anh Trần Văn S.

[3.3] *Về con chung***:** Có hai người gồm: Trần Gia H, sinh ngày 15/5/2015 và Trần Gia H, sinh ngày 07/9/2020, hiện các con do chị Thuý A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu Gia H có nguyện vọng được sống chung với chị Thuý A sau khi cha mẹ

ly hôn. Xét thấy, các em Trần Gia H và Trần Gia H hiện đang sống chung với chị Thuý A và chị Thuý A yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Thuý A. Giao cháu Trần Gia H và Trần Gia H cho chị Thuý A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[3.4] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị Thuý A chưa đặt ra yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.5] *Về tài sản chung*: Chị Thuý A không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.6] *Về nợ chung phải thu, phải trả*: Chị Thuý A không đặt ra yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.7] *Đối với yêu cầu ông Trần Văn L, bà Lê Thị N trả lại 10 chỉ vàng 24 kra*: Chị Thuý A có đơn xin rút lại yêu cầu nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

[3.8] *Về án phí:* Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị A có nghĩa vụ chịu án phí theo quy định.

[3.9] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, 227, 228, 244 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 19, 51, 53, 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thuý A.

- *Về hôn nhân*: Cho chị Lê Thị Thuý A được ly hôn với anh Trần Văn S

- *Về nuôi con*: Chị Lê Thị Thuý A được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con tên Trần Gia H, sinh ngày 15/5/2015 và Trần Gia H, sinh ngày 07/9/2020.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị Thuý A chưa đặt ra để giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Chị Thuý A không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả*: Chị Thuý A không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện về "*Đòi lại tài sản*"

- *Về án phí*: Chị Lê Thị Thuý A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 00011349 ngày 10/6/2026 do Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long thu. Chị Lê Thị Thuý A được nhận lại tiền tạm ứng án phí chênh lệch 3.500.000 đồng. Anh Trần Văn S không phải chịu án phí.

2. Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 34. 36, 71,72 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Huỳnh Sa Rên

Nơi nhận:
-TAND tỉnh.
-VKSND cùng cấp, tỉnh.
-THADS tỉnh Vĩnh Long.
-Các đương sự.
-Lưu.